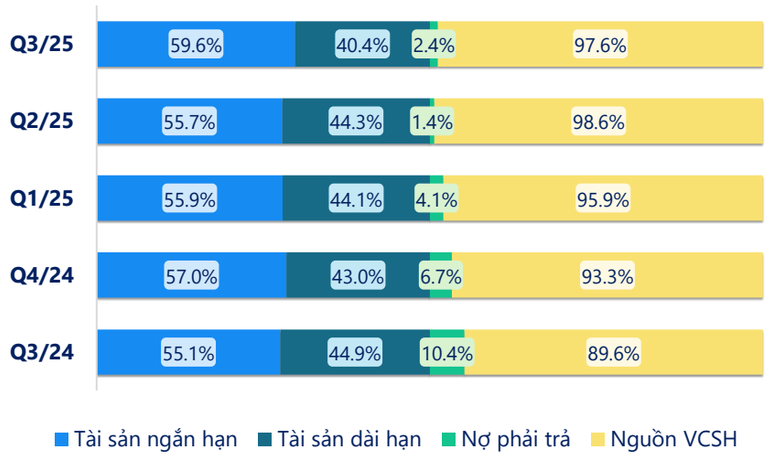
FireAnt

CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	7,810
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,580
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,100
SL cổ phiếu LH	32,191,624
KLGD BQ 20 phiên (CP)	84,220
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	251
P/E	5.3
EPS	1,476

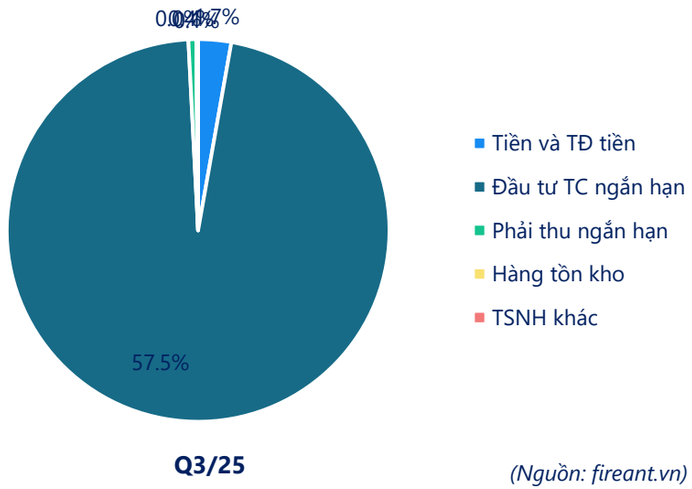
	YTD	1T	3T	6T
PTC	70.9%	2.6%	36.5%	39.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



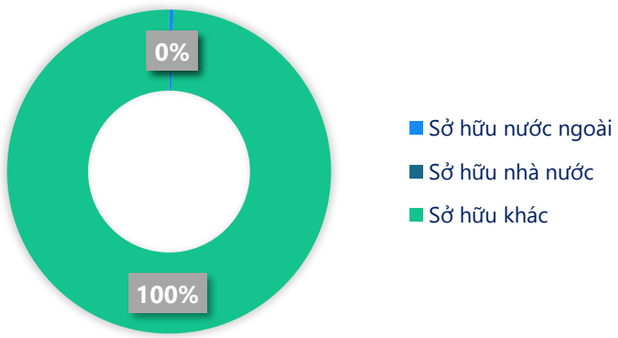
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



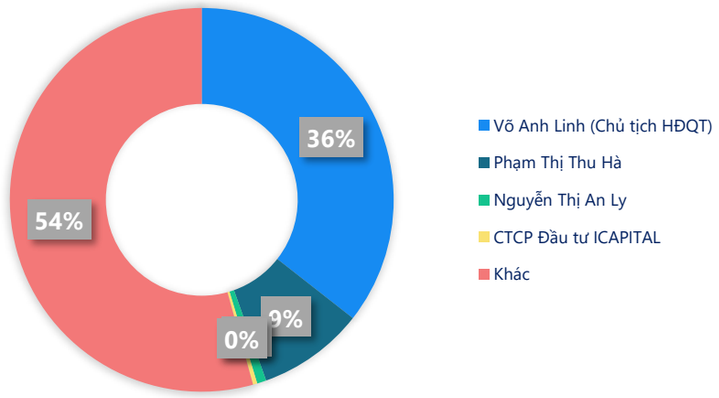
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



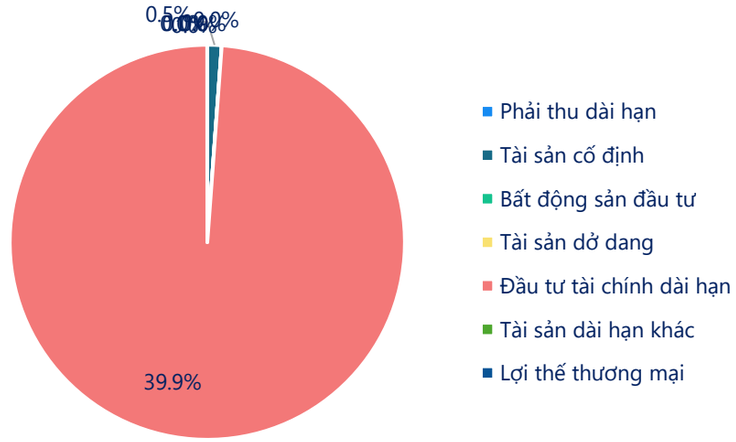
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

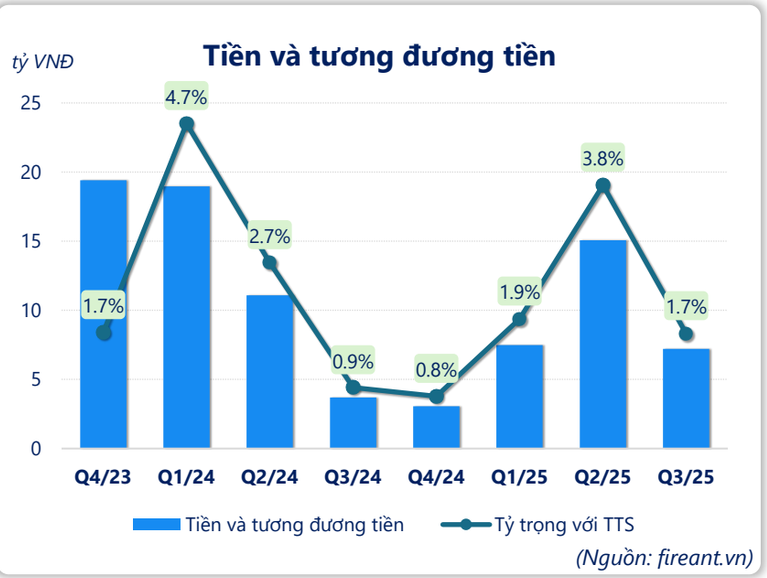
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



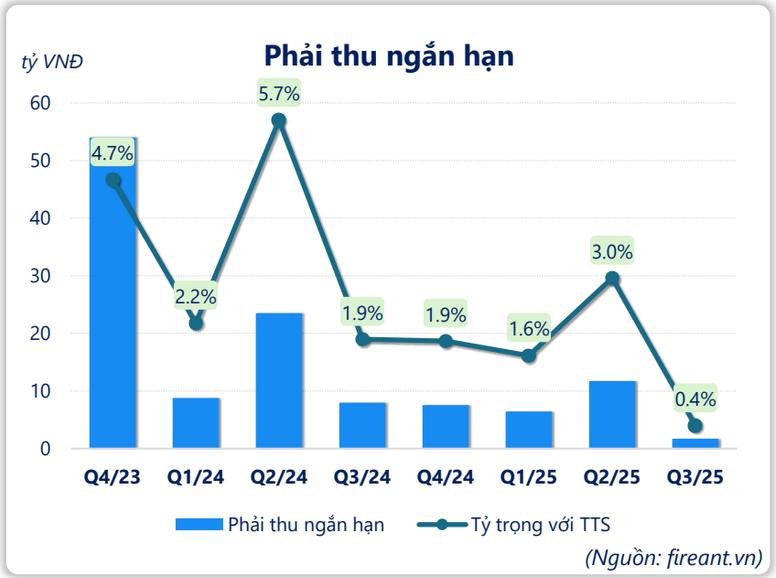
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

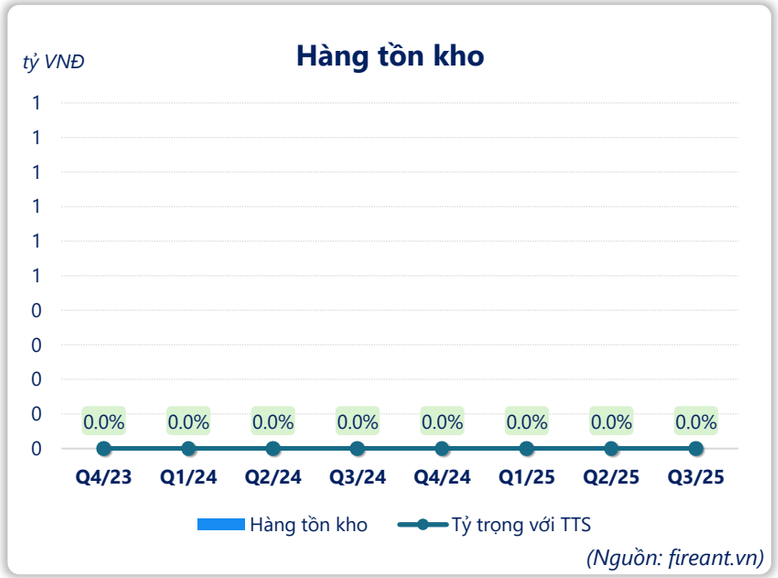
CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)



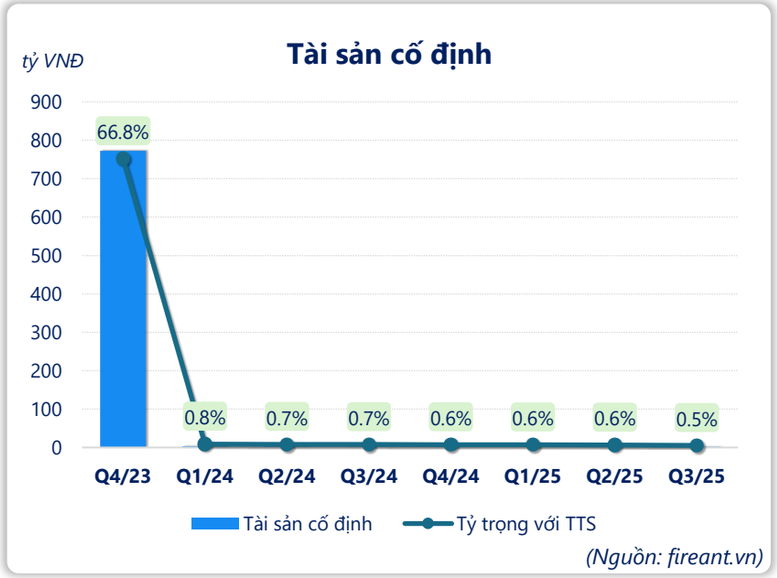
(Nguồn: fireant.vn)



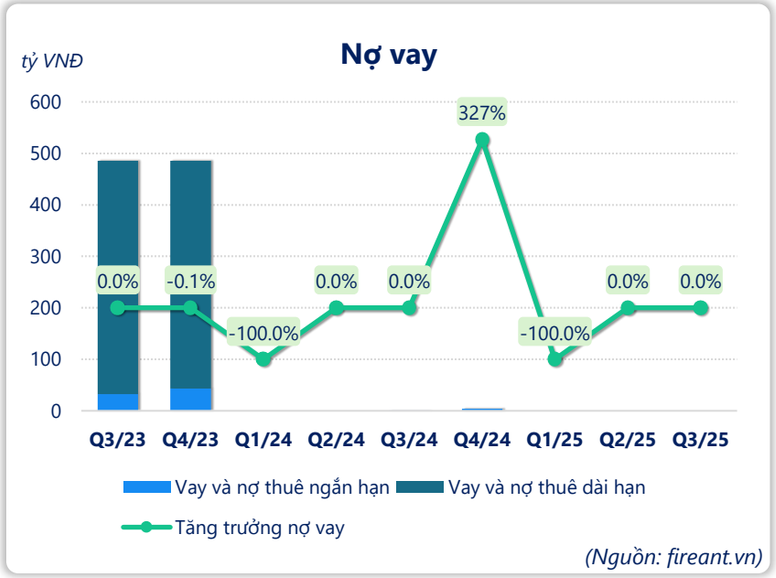
(Nguồn: fireant.vn)



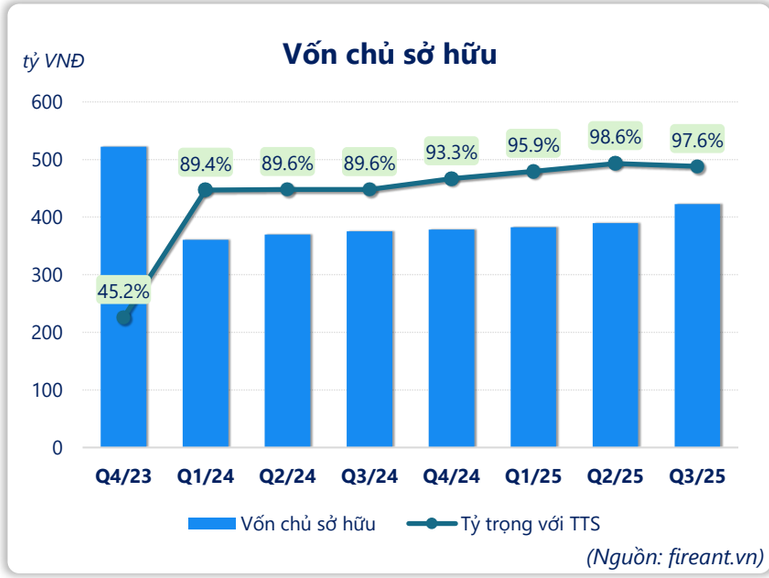
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

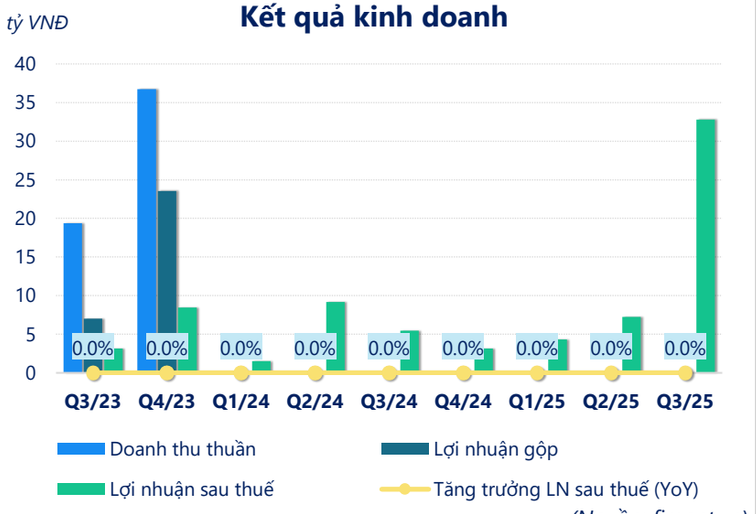


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

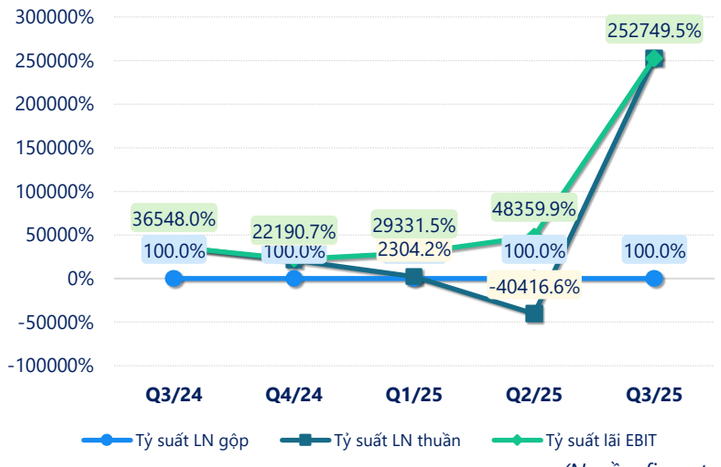
CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

Kết quả kinh doanh



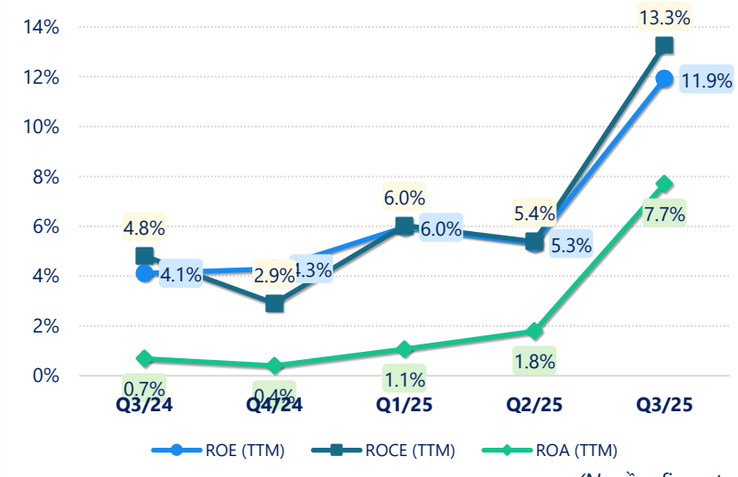
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



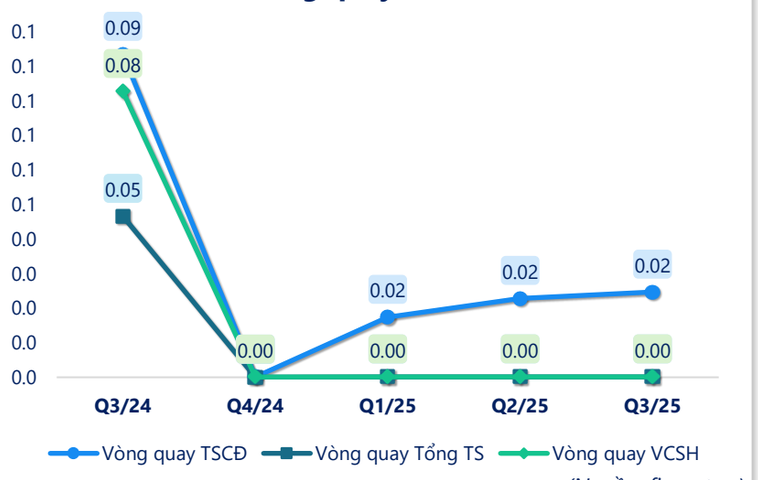
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



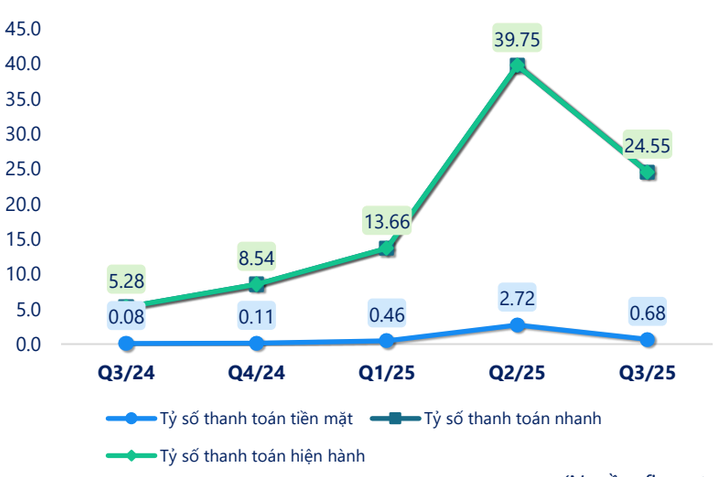
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



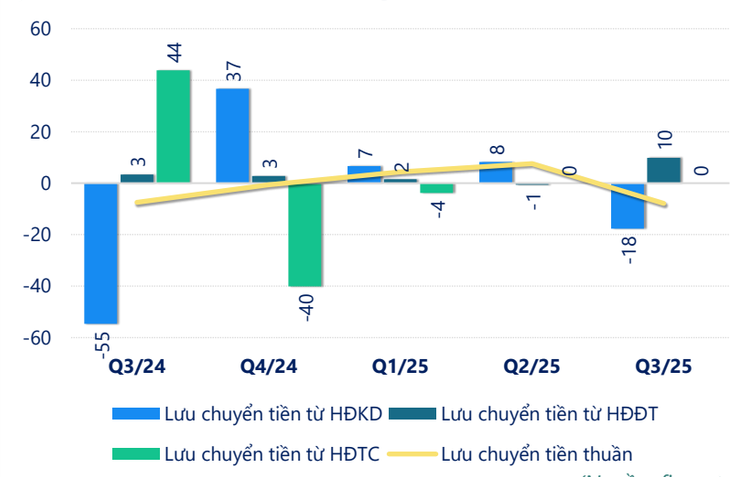
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư ICAPITAL (HSX: PTC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**433**	**405**	**6.9%**
Tài sản ngắn hạn	258	231	11.9%
Tiền và tương đương tiền	7.20	3.07	135%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	249	220	13.2%
Phải thu ngắn hạn	1.71	7.57	-77.4%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.39	0.31	27.6%
Tài sản dài hạn	**175**	**174**	**0.2%**
Phải thu dài hạn	0	0.06	-100%
Tài sản cố định	2.05	2.63	-22.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	173	172	0.6%
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.01**	**-22.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10.5	27.0	-61.1%
Nợ ngắn hạn	**10.5**	**27.0**	**-61.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	3.77	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.41	0.43	-4.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**423**	**378**	**11.7%**
Vốn chủ sở hữu	**423**	**378**	**11.7%**
Vốn điều lệ	323	323	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
Giá vốn hàng bán	0	0	0	0	0
Lợi nhuận gộp	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
Doanh thu HĐTC	7.39	3.36	12.4	14.8	30.5
Chi phí TC	0.63	-0.78	10.8	19.4	-8.50
Chi phí lãi vay	0.03	0.17	0.08	0.03	0.04
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.31	1.00	1.21	1.44	1.12
LN thuần từ HĐKD	5.46	3.16	0.35	-6.06	37.9
Lợi nhuận khác	-0.01	0	3.97	13.3	0
LN trước thuế	5.45	3.16	4.32	7.23	37.9
Lợi nhuận sau thuế	5.45	3.16	4.32	7.23	32.8
LNST của CĐ cty mẹ	5.45	3.16	4.32	7.23	32.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-54.6	36.7	6.64	8.21	-17.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.35	2.75	1.54	-0.62	9.80
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	43.8	-40.1	-3.77	0	0
Tiền đầu kỳ	11.1	3.69	3.07	7.48	15.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-7.40**	**-0.62**	**4.41**	**7.59**	**-7.86**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.69	3.07	7.48	15.1	7.20

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic